

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Long**

Các Thẩm phán: Ông **Bùi Trọng Danh**

Ông **Võ Đình Thắng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Quỳnh Trâm** – Thư ký TAND Tp Đà Nẵng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Hữu Đãi Em** – Kiểm sát viên.

Ngày 02/07/2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 90/2018/HSPT ngày 28/5/2018 đối với các bị cáo Phạm Văn H1, Phạm Duy H2 do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2018/HSST ngày 19/04/2018 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Văn H1 (Beo) - Sinh ngày 17 tháng 11 năm 1988 tại Đắk Lắk; Nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú trước khi phạm tội: 466 T, phường N, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị X; có vợ là Võ Thị H (*Đã ly thân*) và 01 con (*Sinh năm 2011*); Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2017, hiện đang bị tạm giam (*Có mặt*).

2. Phạm Duy H2 (Út) - Sinh ngày 26 tháng 12 năm 1991 tại Đắk Lắk; Nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú trước khi phạm tội: 466 T, phường N, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú hiện nay: Số 624 đường L, phường H, quận S, Tp. Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị X; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/10/2017, đến ngày 22/10/2017 được áp dụng biện pháp bảo lãnh, hiện đang tại ngoại (*Có mặt*).

Người bào chữa: Luật sư Trần Ngọc Ánh thuộc đoàn luật sư Tp. Đà Nẵng bào chữa cho các bị cáo Phạm Văn H1 và Phạm Duy H2 theo yêu cầu của bị cáo và gia đình bị cáo. Vắng mặt (có gửi luận cứ bào chữa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 11 và sáng ngày 12.10.2017, Phạm Văn X, Phạm Văn H1, Phạm Duy H2 (*Là các anh em ruột*) có mâu thuẫn với Nguyễn Văn L - cùng thuê trọ tại 466 T, phường N, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Do đã bị X, H1, H2 dùng tay đánh (*Nhưng không gây ra thương tích*) nên L không dám về phòng trọ. Lúc 22 giờ 00 phút ngày 12.10.2017, L muốn về phòng trọ để lấy quần áo cho con nên đã rủ theo Nguyễn Cường T, do lo sợ bị tiếp tục bị đánh. Khi đi T có mượn một xe mô tô nhãn hiệu Airblade (*Không rõ biển kiểm soát*) của một người ngồi chung bàn nhậu (*Chưa xác định được lai lịch*) để chở L. T biết bên trong cốp xe có sẵn một cây mã tấu. Ngoài ra, L còn gọi điện nhờ Nguyễn Lưu Tuấn A đến giúp. Khi đến trước vỉa hè nhà 466 T, L, T và Tuấn A nói chuyện với nhau về mâu thuẫn giữa L với anh em X, H1, H2, thì H1 đang ở trên tầng 2 của ngôi nhà nói vọng xuống: “Thích thì chơi luôn”. T nói lại: “Út mày xuống đây chém chết mày luôn” (*Giữa anh em H2 và T có biết nhau*). H2 vào trong nhà nói to: “Tụi nó kéo đến đòi chơi anh em mình” để thông báo cho H1, Nguyễn Ngọc L2 (*Anh rể H2*) và Phạm Duy K biết. Nghe vậy, L2 và K đi từ tầng hai xuống mở cửa phụ của ngôi nhà. H1 đi sau L2 và Khánh; còn Huy thì gọi điện thoại cho Xuân để thông báo. Khi nhìn thấy L2 và Khánh mở cửa đi ra, trên tay không cầm hung khí, nhưng T nghĩ họ ra để đánh nhau nên đã mở cốp xe, lấy ra một cây mã tấu dài khoảng 40 cm và chém một nhát trúng vào bả vai phải của L2. Sau khi bị chém, L2 chạy vào con hẻm để trốn. T cầm mã tấu tiếp tục đuổi đánh K. Thấy vậy, H1 lấy một thanh gỗ dài 1,2 m - là vật dụng làm bàn ghế salon trong nhà, đuổi đánh T. Khi T không đuổi chém được K và quay về, thì H1 đuổi theo kịp. T quay mặt lại phía sau, thì H1 cầm cây gỗ đánh một phát trúng vào vùng mặt bên trái của T gây thương tích hổng mắt trái và gãy xương hàm trái. T gục ngã trên vỉa hè nhà 478 T. Cây gỗ H1 sử dụng bị gãy làm đôi. Thấy T đã gục ngã, H1 tiếp tục dùng cây gỗ đánh một cái vào lưng của T. Sau đó, H1 cầm cây gỗ đuổi đánh L. Thấy vậy, H2 lấy một cây gỗ dài khoảng 90 cm chạy ra đuổi đánh L với H1, nhưng không được. H1 quay về chỗ T nằm lấy cây mã tấu của T, H2 tiếp tục dùng cây gỗ trên tay đánh một cái vào chân T. Sau khi gây thương tích cho T, H1 vứt cây gỗ tại hiện trường, cầm cây mã tấu của T đưa cho chị dâu là Phạm Thị Xuân T; còn H2 thì cầm cây gỗ mình sử dụng cất vào nhà. Sau đó, H1 và H2 đi tìm L2 và đưa L2 đi cấp cứu. Tuấn A có mặt tại hiện trường, nhưng không tham gia đánh nhau. L quay lại hiện trường thì thấy T được quần chúng nhân dân đưa đi cấp cứu nên L lấy xe mô tô Air Blade chạy theo. Một lúc sau, L quay lại nhà 466 T, thì có một thanh niên xưng là chủ xe, yêu cầu L giao trả xe nên L đã giao. Sau đó, Công an phường Hòa Khánh Nam đến đưa L và Tuấn A về trụ sở làm việc.

Theo Kết luận giám định pháp y về thương tích số 14/TgT ngày 19.11.2017 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế thành phố Đà Nẵng thì Nguyễn Cường T bị:

- Chấn thương mắt trái: Võ toác nhãn cầu, phôi hết chất nội nhãn, rách củng mạc, giác mạc, đã điều trị cắt bỏ nhãn cầu, mắt trái đã lắp mắt giả; Chấn thương vỡ xoang hàm trái. Tỷ lệ thương tích được xếp là 62%.

Theo Kết luận giám định pháp y về thương tích số 411/TgT ngày 25.12.2017 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế thành phố Đà Nẵng thì Nguyễn Ngọc Lộc bị thương tích với tỷ lệ 7%.

Tại Bản án sơ thẩm số 33/2017/HSST ngày 19/04/2018 Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

- Căn cứ vào: khoản 3 Điều 104; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt: bị cáo **Phạm Văn H1 05 (Năm) năm tù** về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/10/2017.

- Căn cứ vào: khoản 3 Điều 104; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt: bị cáo **Phạm Duy H2 04 (Bốn) năm tù** về tội “Cố ý gây thương tích”. Trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 13/10/2017 đến ngày 22/10/2017 là 10 ngày, buộc bị cáo phải chấp hình phạt còn lại là 03 (Ba) năm 11 (Mười một) tháng 20 (Hai mươi) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt giam thi hành án

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phân trách nhiệm dân sự, xử lý tang vật, án phí và thông báo quyền kháng cáo bản án.

Ngày 28/04/2018, bị cáo Phạm Văn H1 có đơn kháng cáo với nội dung: Mức án 05 năm tù Tòa sơ thẩm xử là nặng, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 27/04/2018, bị cáo Phạm Duy H2 có đơn kháng cáo với nội dung: Mức án 04 năm tù Tòa sơ thẩm xử là nặng, thương tích của bị hại không phải do bị cáo gây ra, bị cáo chỉ dùng cây đánh một cái vào chân bị hại, bị hại có lỗi đã mang hung khí tới nơi anh em bị cáo ở nên mới dẫn đến sự việc xô xát đánh nhau; sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã tự thú, khai báo thành khẩn, bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn H1, Phạm Duy H2 là hợp lệ nên đề nghị xem xét.

Về nội dung kháng cáo của các bị cáo:

Đối với bị cáo Phạm Văn H1: Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 BLHS năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật. Mức hình phạt 05 năm tù đối với bị cáo là không nặng, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và hậu quả của vụ án nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với bị cáo Phạm Duy H2: Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo H2 đồng phạm với bị cáo H1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 BLHS năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, xét bị cáo H2 có vai trò đồng phạm không đáng kể, thương tích của bị hại chủ yếu do bị cáo H1 gây ra; bị cáo có

nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, sau khi xử sơ thẩm có tác động gia đình bồi thường thêm cho bị hại nên đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Văn H1 và Phạm Duy H2 xác định Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là đúng. Các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Luận cứ bào chữa của luật sư cho rằng: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có tổ chức; người bị hại có lỗi đã đem mã tấu đến nơi ở của các bị cáo gây sự trước và đã dùng mã tấu chém người nhà của các bị cáo, là nguyên chính dẫn đến vụ án; luật sư đề nghị cần phải cá thể hóa hình phạt cho phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo; các bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, lần đầu vi phạm pháp luật; có nhiều tình tiết giảm nhẹ; bị cáo H2 giữ vai trò thứ yếu trong vụ án, không gây thương tích cho bị hại; mức án mà Tòa sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là quá nghiêm khắc. Do vậy, luật sư đề nghị xét giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo; riêng bị cáo H2 đề nghị áp dụng Điều 65 BLHS năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo vì trong vụ án này H1 và H2 là anh em, hoàn cảnh khó khăn...

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xuất phát từ mâu thuẫn giữa Phạm Văn X, Phạm Văn H1 và Phạm Duy H2 (là 3 anh em) với anh Nguyễn Văn L là người cùng thuê trọ tại địa chỉ 466 T, phường N, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xảy ra vào tối ngày 11/10/2017. Đến khoảng 23 giờ ngày 12/10/2017, tại trước số nhà 466 T, phường N, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; Phạm Văn H1 có hành vi dùng cây gỗ dài 1,2 m đánh vào vùng mặt trái của Nguyễn Cường T (là người do Nguyễn Văn L rủ tới), sau khi T gục ngã xuống đường, H1 tiếp tục đánh một cái vào lưng của T; Phạm Duy H2 mặc dù thấy T bị H1 đánh ngã gục xuống đất nhưng vẫn tiếp tục dùng một cây gỗ dài khoảng 90 cm đánh 01 cái vào chân của T; hậu quả anh T bị thương tích: Chấn thương mắt trái: Vỡ toác nhãn cầu, phôi hết chất nội nhãn, rách củng mạc, giác mạc, đã điều trị cắt bỏ nhãn cầu, mắt trái đã lắp mắt giả; Chấn thương vỡ xoang hàm trái. Tỷ lệ thương tích được xếp là 62%.

Do đó, Bản án sơ thẩm số 33/2017/HSST ngày 19/04/2018 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng tội.

Hành vi các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tinh thần, cuộc sống và lao động của bị hại, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an xã hội tại địa phương. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo H1

là người trực tiếp dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại, bị cáo H2 mặc dù đã thấy anh T bị bị cáo H1 đánh ngã xuống đường nhưng vẫn mặc nhiên tiếp nhận ý chí của H1 tiếp tục dùng cây đánh 1 cái vào chân anh T trong khi trước đó chính bị cáo H2 là người thách đố đánh nhau với T và hô hào cho H1 và những người khác trong nhà biết việc T và L thách đố đánh nhau; tuy thương tích của bị hại chủ yếu là do bị cáo H1 gây ra nhưng bị cáo H1 cũng phải chịu trách nhiệm về hậu quả của vụ án với vai trò đồng phạm.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với bị cáo Phạm Văn H1: Là người trực tiếp dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích nặng cho anh T, thương tích của anh T chủ yếu là do bị cáo Hiếu gây ra nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án với mức án cao hơn bị cáo H2; khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và áp dụng tình tiết bị hại có lỗi cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999; mức án 5 năm tù mà Tòa sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, không nặng đã xem xét đánh giá đúng tính chất, mức độ, vai trò phạm tội của bị cáo và hậu quả của vụ án, đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng và đã có xét đến nhân thân của bị cáo; Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo cho rằng mục đích kháng cáo chỉ là để xin cho em bị cáo là bị cáo H2 được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo; tuy sau khi xử sơ thẩm gia đình bị cáo có bồi thường thêm cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng nhưng xét mức án trên là phù hợp; nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H1, giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo H1.

- Đối với bị cáo Phạm Duy H2, xét trong vụ án này chỉ là người đồng phạm thứ yếu, thương tích của bị hại chủ yếu là do bị cáo H1 gây ra, bị cáo H2 chỉ dùng cây gỗ đánh một cái vào chân bị hại khi bị hại đã bị bị cáo H1 đánh gây thương tích nằm dưới đất (kết luận giám định thương tích thể hiện không có vết thương phần mềm ở nơi chân bị hại); trong vụ án này bị hại cũng có lỗi dùng mã tấu chém Nguyễn Ngọc L2 (anh rể của bị cáo H2) trước; giữa bị cáo H2 với bị cáo H1 là anh em với nhau; sau khi phạm tội vào ngày 12/10 thì đến ngày 13/10 bị cáo cũng đã chủ động ra trình diện với cơ quan công an, quá trình tố tụng đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; đã tích cực tác động gia đình bồi thường cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 47 BLHS năm 1999 để xử phạt bị cáo mức án thấp hơn mức án khởi điểm của khung hình phạt là có căn cứ. Tuy nhiên, xét sau khi xử sơ thẩm các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thêm được 10.000.000 đồng cho bị hại, mức hình phạt 4 năm tù đối với bị cáo H2 là có phần nghiêm khắc. Do vậy, HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H2, nhưng không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo vì tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện là tội phạm rất nghiêm trọng; thương tích mà các bị cáo gây ra cho bị hại là rất nặng, phải bỏ mất thật lấp mắt giả, gây ảnh hưởng đến thẩm mỹ và chất lượng cuộc sống của bị hại.

[3] Do gia đình các bị cáo có bồi thường thêm 10.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Cường T nên HĐXX phúc thẩm sửa phần trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Hiếu phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo H2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do được chấp nhận kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Điểm a, khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn H1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 3 Điều 104; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn H1 **05 (Năm)** năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 13/10/2017.

2/ Căn cứ vào: Điểm b, khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Duy H2, sửa một phần Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Phạm Duy H2.

- Căn cứ khoản 3 Điều 104; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt: Bị cáo Phạm Duy H2 **33 (Ba mươi ba)** tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 13/10/2017 đến ngày 22/10/2017 là 10 ngày, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt còn lại là **32 tháng 20 ngày tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3/ Về trách nhiệm dân sự và việc bồi thường thiệt hại: Bị cáo Phạm Văn H1 phải tiếp tục bồi thường cho anh Nguyễn Cường T số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*); Bị cáo Phạm Duy H2 phải tiếp tục bồi thường cho anh Nguyễn Cường T số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu các bị cáo không thực hiện nghĩa vụ bồi thường nêu trên thì các bị cáo còn phải chịu tiền lãi chậm trả trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong khoản nghĩa vụ bồi thường nêu trên.

4/ Về án phí:

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Văn H1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Phạm Duy H2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Án phí dân sự: Bị cáo Phạm Văn H1 phải chịu là 500.000 đồng; bị cáo Phạm duy H2 phải chịu là 500.000 đồng.

5/ Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- CQ THAHS – CA Q Liên Chiểu;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- CQCSĐT Công an Q Liên Chiểu;
- Tòa án nhân dân Q Liên Chiểu;
- Trại giam Hòa Sơn;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Sở tư pháp Tp. Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Minh Long

